Đại học Quốc gia TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HỌC VỤ

Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1167/QĐ-KHTN-ĐT ngày 25 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia TP.HCM)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (sau đây gọi tắt là Trường) thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) là những thông tin cơ bản mà sinh viên cần nắm vững trong quá trình học tập, bao gồm: mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp của sinh viên khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành hoặc với một vài ngành và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Khối kiến thức giáo dục đại cương nhằm trang bị cho sinh viên nền học vấn rộng: có thế giới quan khoa học và nhân sinh quan đúng đắn; hiểu biết về tự nhiên, xã hội và con người; nắm vững phương pháp tư duy khoa học; có đạo đức, nhận thức trách nhiệm công dân; có năng lực tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được thể hiện theo 2 nhóm: nhóm kiến thức cơ sở ngành hoặc liên ngành và nhóm kiến thức chuyên ngành, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp ban đầu cần thiết.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần thể hiện rõ mục tiêu, số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích luỹ trong quá trình học tập. Nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích luỹ đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

4. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Điều 4. Các khái niệm khác về học phần

1. Ngoài việc được phân loại là bắt buộc hoặc tự chọn, các học phần có các khái niệm khác như sau:

a) Học phần chung (Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục Thể chất, các học phần lý luận chính trị …) là các học phần được giảng dạy chung cho tất cả các ngành theo quy định.

b) Học phần tiên quyết: một học phần là tiên quyết đối với học phần A là học phần mà sinh viên phải học và thi đạt mới được theo học phần A.

c) Học phần song hành: Hai học phần được gọi là song hành khi sinh viên đăng ký học phần này thì bắt buộc phải đăng ký học phần kia.

d) Học phần thay thế: là học phần được sử dụng thay thế cho một học phần đã được thay đổi hoặc điều chỉnh, không còn tổ chức giảng dạy trong chương trình.

e) Học phần tương đương: một học phần được gọi là tương đương với học phần A khi có nội dung kiến thức và thời lượng đáp ứng yêu cầu cơ bản của học phần A.

f) Học phần tự chọn định hướng: là học phần mà sinh viên phải chọn trong các học phần quy định cho một ngành, chuyên ngành cụ thể.

2. Các học phần được gọi là tích lũy khi điểm đánh giá học phần đạt từ điểm 5,0 trở lên.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần đã đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần đã đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được tích lũy tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm kết thúc mỗi học kỳ.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần đã được tích luỹ tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm kết thúc mỗi học kỳ, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

CHƯƠNG II
TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tuỳ thuộc bậc đào tạo, khoá học được quy định như sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện trong ba năm học;
- Đào tạo trình độ đại học được thực hiện trong bốn năm học.

b) Tổng số tín chỉ trong một khoá học được ghi rõ trong chương trình.

c) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ hè để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Khối lượng và nội dung kiến thức của khoá học được quy định cụ thể cho từng năm học, từng học kỳ trong chương trình.

3. Tuỳ theo khả năng học tập, sinh viên được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học như sau:

a) Bậc đại học và cao đẳng, sinh viên được phép rút ngắn tối đa 2 học kỳ chính và kéo dài thêm tối đa 4 học kỳ chính. Quá thời hạn tối đa của khóa học, sinh viên sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên chính quy của Trường.

b) Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Chế độ học tập của sinh viên

1. Sinh viên chính quy: là các thí sinh trúng tuyển qua kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng vào hệ chính quy của trường, đã hoàn tất các thủ tục nhập học. Trường tổ chức đào tạo theo phương thức chính quy tập trung toàn thời gian cho sinh viên hệ chính quy. Mỗi sinh viên hệ chính quy đều có một mã số riêng theo quy định của trường.

2. Sinh viên dự thính: là những sinh viên không thuộc diện quản lý sinh viên của trường, được trường cho phép đăng ký học dự thính một số học phần nhằm đáp ứng mục đích, yêu cầu riêng. Sinh viên dự thính không được hưởng chính sách dành cho sinh viên chính quy, phải đóng học phí theo mức riêng do không được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Các trường hợp sau đây được gọi là sinh viên dự thính:

a) Là sinh viên chính quy của Trường, không bị kỷ luật đến mức bị buộc thôi học, vừa hết thời hạn tối đa của khóa học nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do còn nợ một số học phần. Những sinh viên này có thể nộp đơn xin phép học dự thính những học phần còn thiếu để hoàn tất chương trình đào tạo. Thời gian được phép học dự thính tối đa là 2 học kỳ kế tiếp.

b) Sinh viên các trường khác có nhu cầu học bổ túc kiến thức một số học phần, được trường xem xét cho phép đăng ký học dự thính.

c) Sinh viên dự thính được cấp chứng nhận kết quả các môn học nếu thực hiện đầy đủ các quy định về đào tạo của Trường.

Điều 8. Tổ chức lớp

1. Lớp học phần: Những sinh viên theo học cùng một học phần trong cùng một khoảng thời gian và cùng một giảng viên tạo thành một lớp học phần. Mỗi lớp học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

2. Lớp sinh hoạt: Những sinh viên cùng khoá tuyển, nếu có chung ≥ 60 % số lớp học phần trong tổng số các lớp học phần của cùng một học kỳ được tổ chức thành một lớp sinh hoạt. Lớp sinh hoạt nhằm mục đích tạo điều kiện cho sinh viên sinh hoạt đoàn thể.

Điều 9. Thông báo kế hoạch đào tạo của Trường

1. Đầu khoá học, Trường thông báo cho sinh viên về:

- Chương trình đào tạo toàn khoá cho từng ngành học.

- Quy chế học vụ và các quy định liên quan.

2. Đầu năm học, Trường thông báo cho sinh viên về:

- Kế hoạch đào tạo năm học.
- Quy chế học vụ và các quy định liên quan được điều chỉnh (nếu có)

3. Đầu mỗi học kỳ, Trường thông báo cho sinh viên về:

- Danh mục các học phần và số lượng tín chỉ của mỗi học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ và điều kiện để sinh viên đăng ký học.
- Số lớp học dự kiến tổ chức cho mỗi học phần và thời khoá biểu cho các lớp học đó.

Điều 10. Đăng ký học tập

1. Đăng ký học phần:

a) Đầu mỗi học kỳ, sinh viên phải theo dõi thông báo để nắm thông tin về các học phần sẽ mở trong học kỳ và đăng ký các học phần qua mạng máy tính.

b) Kết quả đăng ký học tập của mỗi sinh viên được thông báo trong tài khoản sinh viên và trên website Trường. Kết quả đăng ký học phần ghi rõ tên học phần, mã học phần, mã lớp, số tín chỉ của mỗi học phần, lịch học của các học phần.

c) Sinh viên không tham gia học các học phần đã đăng ký được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm không (điểm 0).

2. Số tín chỉ tối thiểu, tối đa:

a) Số tín chỉ đăng ký học tối thiểu, tối đa cho mỗi học kỳ chính do từng chương trình quy định nhưng không ít hơn 14 (trừ học kỳ cuối khóa học) và không vượt quá 25, mỗi học kỳ hè không vượt quá 12.

b) Tổng số tín chỉ của các học phần học lại và các học phần mới không được đăng ký vượt quá số tín chỉ tối đa quy định cho mỗi học kỳ.

c) Trong trường hợp đặc biệt sinh viên muốn đăng ký vượt quá số tín chỉ tối đa hoặc ít hơn số tín chỉ tối thiểu trong một học kỳ thì phải có đơn đề nghị, được Khoa đồng ý và Hiệu Trưởng chấp thuận.

3. Đăng ký học lại:

a) Đối với các học phần bắt buộc có điểm học phần dưới 5,0, sinh viên phải đăng ký học lại ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm 5,0 trở lên.

b) Đối với các học phần tự chọn có điểm học phần dưới 5,0, sinh viên được phép đăng ký học lại học phần đó hoặc chọn học phần khác thay thế trong số các học phần tự chọn được quy định cho mỗi chương trình.

4. Điều chỉnh đăng ký học phần: nếu được cố vấn học tập chấp thuận sinh viên được nộp đơn điều chỉnh đăng ký học phần trong vòng một tuần lễ kể từ ngày bắt đầu học kỳ.

5. Trách nhiệm của sinh viên:

a) Chủ động theo dõi kết quả đăng ký học phần để xác nhận hoặc điều chỉnh nếu có.

b) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu như lên lớp, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, dự kiểm tra thường kỳ và thi kết thúc học phần.

Điều 11. Cảnh cáo học vụ và đình chỉ học tập

1. Cảnh cáo học vụ:

a) Hằng năm, trường sẽ tiến hành xử lý học vụ vào đầu mỗi học kỳ. Sinh viên bị cảnh cáo học vụ nếu điểm trung bình chung học tập học kỳ liền kề trước đó dưới 3,0 hoặc điểm trung bình chung học tập của 2 học kỳ liền kề trước đó dưới 4,0;

b) Sinh viên bị cảnh cáo học vụ chỉ được đăng ký học lại các học phần chưa đạt nhưng không vượt quá 20 tín chỉ (trường hợp các học phần chưa đạt không mở trong học kỳ thì sinh viên được đăng ký thêm một vài học phần mới).

2. Bị buộc thôi học:

a) Sinh viên bị buộc thôi học nếu vi phạm một trong những trường hợp sau:

- Không hoàn thành nghĩa vụ học phí đúng thời gian quy định của trường;
- Tự ý bỏ học hoặc bỏ thi từ một học kỳ chính trở lên;
- Số tín chỉ đạt ở mỗi học kỳ chính < 6 tín chỉ;
- Đã hết thời gian tối đa hoàn thành khóa học;
- Bị cảnh cáo học vụ hai lần liên tiếp;
- Bị kỷ luật vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ;

b) Sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học sẽ bị xóa tên khỏi danh sách sinh viên. Trường sẽ thông báo về địa phương và gia đình sinh viên biết chậm nhất một tháng sau khi có quyết định buộc thôi học.

c) Sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học vì kết quả học tập, nếu có nguyện vọng chuyển trường hay chuyển xuống bậc đào tạo thấp hơn phải làm đơn để Trường xem xét từng trường hợp cụ thể.

Điều 12. Thôi học, tạm dừng học tập

1. Trường hợp vì hoàn cảnh cá nhân, sinh viên có thể gửi đơn xin thôi học (có sự đồng ý của phụ huynh), Trường sẽ xem xét ra quyết định cho phép thôi học và xóa tên khỏi danh sách sinh viên.

2. Sinh viên được quyền tạm dừng từ 01 đến tối đa 02 học kỳ chính liên tiếp và được bảo lưu kết quả học tập trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Bị đau ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

c) Đối với trường hợp có xác nhận cụ thể hoàn cảnh khó khăn đột xuất của địa phương, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường và không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học;

3. Thời gian tạm dừng học tập được tính vào thời gian tối đa hoàn thành khóa học được quy định tại điều 6 của quy chế này, ngoại trừ thời gian thi hành nghĩa vụ quân sự.

4. Sinh viên tạm dừng học tập, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải làm đơn xin học lại theo quy định của Trường.

Điều 13. Chuyển trường

1. Sinh viên được chuyển trường nếu có đủ điều kiện sau:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình sinh viên chuyển hộ khẩu thường trú, chuyển nơi công tác hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để có điều kiện học tập.

b) Trường xin chuyển đi và trường tiếp nhận có cùng ngành học hoặc cùng nhóm ngành học.

c) Được sự đồng ý của Hiệu Trưởng trường xin chuyển đi và trường tiếp nhận.

2. Sinh viên không được phép chuyển đến trường mà bản thân đã dự thi tuyển sinh nhưng không trúng tuyển hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường, ngành xin chuyển đến. Sinh viên không được chuyển đến trường mà hộ khẩu thường trú của sinh viên nằm ngoài vùng tuyển của trường tiếp nhận. Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khoá, sinh viên đang chịu mức kỷ luật từ cảnh cáo toàn trường trở lên không được phép chuyển trường.

3. Sinh viên xin chuyển trường phải có hồ sơ xin chuyển trường theo mẫu quy định.

Điều 14. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực dưới trung bình;

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 5,0 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này và có thể kéo dài thêm tối đa 2 học kỳ chính. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

CHƯƠNG III
KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 15. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá thành phần, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho

mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá thành phần và trọng số của các điểm đánh giá thành phần, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần, được Khoa thông qua và được Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá thành phần nếu Khoa phụ trách học phần không có quy định khác.

Điều 16. Điểm đánh giá kết quả học tập của học phần

1. Thang điểm đánh giá:

Các loại điểm được đánh giá theo thang điểm 10. Thang điểm 4 và thang điểm chữ chỉ mang tính tham khảo, chuyển đổi khi cần thiết, không dùng để ghi và phân loại đánh giá.

Thang điểm 10	Điểm 4	Điểm chữ
9,0 đến 10,0	4,0	A+
8,0 đến cận 9,0	3,5	A
7,0 đến cận 8,0	3,0	B+
6,0 đến cận 7,0	2,5	B
5,0 đến cận 6,0	2,0	C
4,0 đến cận 5,0	1,5	D+
3,0 đến cận 4,0	1,0	D
<3,0	0,0	F

2. Điểm học phần là điểm cuối cùng để đánh giá kết quả của một học phần. Điểm học phần được đánh giá dựa trên kết quả học tập toàn diện của sinh viên trong suốt học kỳ đối với học phần đó bao gồm các điểm thành phần như quy định ở khoản 1 Điều 15. Điểm học phần sẽ là điểm trung bình tính theo trọng số của các điểm thành phần và được làm tròn đến 0,5.

3. Đối với các học phần đã đăng ký và đã được chấp thuận, sinh viên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và nghiêm túc mọi yêu cầu của giảng viên về việc lên lớp, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, tham gia thảo luận, dự kiểm tra giữa học phần và kết thúc học phần. Nếu không thực hiện phần việc nào, sinh viên sẽ nhận điểm không (0) cho điểm thành phần tương ứng.

4. Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được coi là học phần tích lũy, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

Điều 17. Cách tính điểm trung bình và xếp loại

1. Điểm trung bình chung của học kỳ, năm học, khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^{N} a_i . n_i}{\sum_{i=1}^{N} n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung

$\mathbf{a_i}$ là điểm học phần của học phần thứ i

$\mathbf{n_i}$ là số tín chỉ của học phần thứ i

N là tổng số học phần

2. Các điểm trung bình chung học kỳ và trung bình chung tích lũy được tính đến 2 số thập phân.

3. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được sử dụng để xét thôi học, xét cảnh cáo học vụ, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp. Kết quả học tập học kỳ và kết quả tốt nghiệp được phân loại theo điểm như sau:

a. Loại đạt	**Xếp loại**
Từ 9 đến 10	Xuất sắc
Từ 8 đến cận 9	Giỏi
Từ 7 đến cận 8	Khá
Từ 6 đến cận 7	TB khá
Từ 5 đến cận 6	Trung bình

b. Loại không đạt	**Xếp loại**
Từ 4 đến cận 5	Yếu
Dưới 4	Kém

Điều 18. Tổ chức các kỳ thi kết thúc học phần

Trường chỉ tổ chức 1 đợt thi vào cuối mỗi học kỳ theo kế hoạch năm học.

Điều 19. Hoãn thi (Điểm I)

1. Những trường hợp đột xuất và có lý do chính đáng (ốm đau, tai nạn,…) không thể dự thi, kiểm tra, sinh viên sẽ được xem xét giải quyết cho hoãn thi. Điểm của học phần hoãn thi được ký hiệu I (điểm I). Để được nhận điểm I, sinh viên phải hoàn tất học phí học kỳ và nộp đơn trình bày rõ lý do xin hoãn thi học phần cùng các giấy tờ xác nhận cần thiết cho Phòng đào tạo trong vòng 5 ngày kể từ ngày thi để được xem xét. Nếu được nhận điểm I, sinh viên sẽ không bị điểm không (0) ở học kỳ đó.

2. Sinh viên phải nộp đơn đăng ký học lại học phần hoãn thi tại Phòng đào tạo trong thời gian tối đa là 2 học kỳ tiếp theo. Sinh viên không phải đóng học phí của học phần được điểm I.

Điều 20. Miễn học

1. Sinh viên đã đạt và có điểm một học phần ở một trường khác trong thời gian không quá 5 năm, nếu muốn xin miễn học và bảo lưu điểm của học phần đó thì phải làm đơn kèm

theo xác nhận (số tiết học, số tín chỉ và điểm) gửi về Phòng đào tạo của Trường vào đầu học kỳ. Nếu được chấp thuận thì học phần đó sẽ được điểm mà sinh viên đã đạt và kèm theo chữ bảo lưu (BL).

2. Sinh viên đã đạt một học phần ở một trường khác, mà điểm cụ thể không xác định, nếu muốn xin miễn học học phần đó thì phải làm đơn kèm xác nhận về Phòng đào tạo để được xem xét. Điểm của học phần đã miễn được ký hiệu M (điểm M).

3. Điểm bảo lưu không tính vào điểm trung bình học kỳ nhưng tính vào điểm trung bình tích lũy. Điểm M không tính vào điểm trung bình học kỳ và vào điểm trung bình tích lũy.

Điều 21. Các loại điểm

1. Điểm trung bình chung của mỗi học kỳ (điểm học kỳ), mỗi năm học hay của khóa học là điểm tính theo kết quả đánh giá của các học phần mà sinh viên đã đăng ký học trong khoảng thời gian tương ứng (không tính điểm bảo lưu, điểm M).

2. Điểm trung bình chung tích lũy của mỗi học kỳ, mỗi năm học hay khóa học là điểm tính theo kết quả đánh giá của các học phần đạt từ điểm 5,0 trở lên mà sinh viên đã đăng ký học trong khoảng thời gian tương ứng (có tính các học phần bảo lưu).

3. Không tính kết quả thi các học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh, Giáo dục thể chất, Ngoại ngữ và Tin học cơ sở vào điểm trung bình chung hoặc điểm trung bình chung tích lũy. Việc đánh giá kết quả hoặc điều kiện cấp chứng chỉ đối với học phần này theo quy định chung của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Đại học Quốc gia TP.HCM.

Điều 22. Chấm phúc tra

Sinh viên có quyền đề nghị chấm phúc tra kết quả thi kết thúc học phần. Sinh viên nộp đơn phúc tra theo thời gian quy định của Trường. Tất cả các đề nghị chấm phúc tra đều phải đóng lệ phí do Trường quy định.

Điều 23. Cải thiện kết quả học phần

1. Đối với các học phần đã đạt nhưng muốn cải thiện điểm, thì trong vòng hai học kỳ tiếp theo sinh viên phải đăng ký học lại và nộp học phí theo quy định. Điểm học phần cũ sẽ bị huỷ và điểm cải thiện là điểm học phần mới. Mỗi học phần sinh viên chỉ được cải thiện một lần. Các Khoa phụ trách chương trình sẽ quy định cụ thể (nếu có) các học phần không được cải thiện kết quả.

2. Tổng số tín chỉ đăng ký cải thiện ở học kỳ nào được tính vào số tín chỉ đăng ký học ở học kỳ đó. Điểm cải thiện không tính vào điểm trung bình học kỳ để xét học bổng khuyến khích học tập nhưng tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

Điều 24. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy chế thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Điều 25. Xin cấp bảng điểm

Trong quá trình học tập, sinh viên có thể đề nghị nhà trường cấp bảng điểm.

CHƯƠNG IV
XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 26. Làm khoá luận

Để hoàn tất chương trình bậc đại học, vào đầu học kỳ cuối khoá học, sinh viên phải nộp đơn tại văn phòng Khoa quản lý ngành học, chọn một trong 2 hình thức sau đây:

1. Làm khoá luận
   a) Điều kiện được đăng ký làm khoá luận do Khoa quy định. Điểm trung bình tích lũy là cơ sở cơ bản để xét chọn sinh viên làm khoá luận tốt nghiệp.
   b) Một khoá luận được quy định tương đương một học phần 10 tín chỉ.
   c) Sinh viên thực hiện khoá luận trong thời gian là một học kỳ cuối cùng của khoá học. Tuỳ đặc điểm của ngành đào tạo, sinh viên làm khoá luận có thể được giao đề tài sớm hơn.

2. Đăng ký học và thi một số học phần tự chọn định hướng nghề nghiệp do các Khoa quy định thay cho khoá luận. Tổng số tín chỉ của các học phần thay thế là 10 tín chỉ.

Điều 27. Chấm khoá luận và chấm thi các học phần thay thế

1. Chấm khoá luận:
   a) Được thực hiện bởi hội đồng do Khoa đề nghị và Hiệu Trưởng ký quyết định thành lập. Mỗi hội đồng gồm 3-5 thành viên gồm chủ tịch, thư ký và các ủy viên. Thành viên của hội đồng là giảng viên của trường hoặc có thể mời những người có chuyên môn phù hợp ở ngoài trường.
   b) Điểm chấm khóa luận cho theo thang điểm 10 (lẻ đến 0,5) của mỗi thành viên hội đồng, người hướng dẫn và người nhận xét. Điểm tổng kết khóa luận là trung bình cộng của tất cả thành viên (không tính hệ số) và được làm tròn đến 0,5.
   c) Kết quả chấm khoá luận phải được công bố sau buổi bảo vệ. Điểm khoá luận được tính vào trung bình chung của học kỳ và trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

2. Chấm thi các học phần thay thế:
   a) Việc tổ chức học, thi các học phần thay thế cuối khoá được thực hiện giống như các học phần bình thường của bản quy chế này.
   b) Sinh viên thi các học phần thay thế cuối khoá bị điểm dưới 5,0 thì được thi lại ở các học kỳ kế tiếp cho đến khi nào hết thời gian tối đa cho phép của khoá học được quy định tại điều 6 của quy chế này.

Điều 28. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Cuối mỗi học kỳ, những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây phải làm hồ sơ gửi hội đồng xét tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
c) Đã hoàn tất học phần giáo dục quốc phòng (có chứng chỉ GDQP) và giáo dục thể chất.
d) Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của Trường.
e) Đạt chuẩn trình độ tin học theo quy định của Trường.

Sinh viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp ở học kỳ nào phải nộp hồ sơ xét tốt nghiệp ở học kỳ đó. Sinh viên được phép xin hủy điểm đối với các học phần tự chọn nếu không ảnh hưởng đến điều kiện được công nhận tốt nghiệp.

2. Căn cứ biên bản và đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu Trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện theo quy định.

3. Hội đồng xét tốt nghiệp sẽ do Hiệu Trưởng hoặc phó Hiệu Trưởng được Hiệu Trưởng uỷ quyền làm chủ tịch. Trưởng phòng Đào tạo làm thư ký và các thành viên là Trưởng Khoa chuyên môn, Trưởng phòng Công tác sinh viên.

Điều 29. Cấp bằng tốt nghiệp

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo. Bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên văn bằng. Bằng phải có ảnh, chữ ký của người được cấp. Xếp loại tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học quy định tại khoản 3 Điều 17 của quy chế này.

2. Hạ bậc xếp loại tốt nghiệp:

Những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá đạt loại xuất sắc sẽ bị hạ bậc xếp loại tốt nghiệp thành loại giỏi nếu rơi vào 1 trong các trường hợp sau:

a. Có thời gian học tập tại trường vượt quá 01 học kỳ so với thời gian thiết kế được quy định tại khoản 1 Điều 6 của quy chế này.

b. Đã bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo ở cấp trường trở lên.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần.

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 28 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Linh Thước